TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 02 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn M, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị O, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp T2, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn M, thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Phạm Thị O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Từ nguyên nhân trên, anh M xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với chị O.

Về con chung, gồm: Trần Thảo L, sinh ngày 03/7/2008, Trần Lam N, sinh ngày 23/02/2010, Trần Nguyên H, sinh ngày 26/12/2016 và Trần Tâm Nh, sinh ngày 27/12/2019 do anh M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Đối với chị Phạm Thị O:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh M nhưng chị O không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phạm Thị O đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh M, thấy rằng:

Anh M và chị O tự nguyện chung sống vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo anh M, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Từ nguyên nhân trên, anh M xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị O. Chị O không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh M.

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh M yêu cầu xin ly hôn với chị O mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của anh M về việc tiếp tục nuôi dưỡng Trần Thảo L, sinh ngày 03/7/2008, Trần Lam N, sinh ngày 23/02/2010, Trần Nguyên H, sinh ngày 26/12/2016 và Trần Tâm Nh, sinh ngày 27/12/2019, thấy rằng:

Yêu cầu của anh M phù hợp với nguyện vọng của Thảo L, Lam N và Nguyên H; chị O không có ý kiến gì về yêu cầu của anh M về việc tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Thảo L, Lam N, Nguyên H và Tâm Nh cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Anh M xác định không có. Chị O không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn M và chị Phạm Thị O.

2. Về con chung: Giao Trần Thảo L, sinh ngày 03/7/2008, Trần Lam N, sinh ngày 23/02/2010, Trần Nguyên H, sinh ngày 26/12/2016 và Trần Tâm Nh, sinh ngày 27/12/2019 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013341 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh M đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn